TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 111/2020/DS-ST
Ngày: 29/9/2020
Về việc: "T/c Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Trọng

Ông Cao Văn Dũng.

Thư ký phiên tòa: Ông Tô Tấn Cường – Thư ký tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Quang-Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:16/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1504/2020/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1544 /2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 20120 của TAND huyện T, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T1- Chủ tịch hội đồng quản trị.

Địa chỉ: 130 Phan Đăng Lưu, phường 3, quận P, TP H2.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình T2- Giám đốc phòng giao dịch Phú Tài, đại diện theo văn bản ủy quyền thường xuyên ngày 21/05/2016.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Võ Văn Th, sinh năm 1993 – Nhân viên phát triển kinh doanh – đại diện theo ủy quyền lại tại văn bản ủy quyền ngày 17/7/2019, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 5, khu vực 9, P. Tr, TP.Q, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Bà Trương Thị L, sinh 1969, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Nh, xã P1, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Ngọc M, sinh 1967, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Nh, xã P1, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 12 năm 2019, tại bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đdo ông Võ Văn Thành đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 30/3/2016 vợ chồng bà Trương Thị L và ông Phạm Ngọc M có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ– Phòng giao dịch Phú Tài theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 19/03/2016, được Ngân hàng theo dõi bằng ký hiệu hợp đồng vay số 0129827001T16034, ngày 30/3/2016 cho nhiều người cùng địa phương vay trong cùng thời điểm, trong đó có bà L, ông M vay với số tiền 20.000.000đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất góp 11%/ năm, mục đích vay kinh doanh, tài sản đảm bảo tín chấp, thời han trả ngày 30/3/2017, ông Phạm Ngọc M ký bảo lãnh, số tiền trả góp hàng tháng là 2.000.000đồng, trong 11 tháng đầu và tháng cuối 200.000đồng. Như vậy bà L, ông M phải trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 20.000.000đồng và tiền lãi 2.200.000đồng. Đến ngày 09/3/2018, vợ chồng bà L mới chỉ trả 8.000.000đồng, trong đó trả tiền gốc 7.069.231đồng, tiền lãi trong hạn 930.769đồng. Đến nay khoản vay vốn nói trên đã quá thời hạn thanh toán kể từ ngày 30/3/2017 và Ngân hàng đòi nhiều lần nhưng vợ chồng bà L không trả. Nay đại diện Ngân hàng yêu cầu vợ chồng bà L ông M trả số tiền gốc là 12.930.769đồng, tiền lãi trong hạn là 1.269.231đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 29/9/2020 là 8.917.990đồng, tổng cộng gốc và lãi là: 23.117.990 đồng và lãi phát sinh đến khi trả hết nợ vay với lãi suất quá hạn 16,5%/ năm.

Bị đơn bà Trương Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản khai trình bày: Vào năm 2016 bà có vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền 20.000.000đ, trong khoản thời gian vay bà đã trả tiền gốc và lãi thông qua bà Đặng Thị Châu thu rồi nộp cho Ngân hàng. Bà L cho rằng đã trả số tiền cho bà Châu là 7 tháng là 14.000.000đ, nên bà còn nợ 5 tháng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà trả số nợ tính đến ngày 31/10/2019 là 21.187.542đồng thì bà đồng ý trả, còn chồng bà bị bệnh nên không thể đến tòa được.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc M đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có lời khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà L, ông M trả nợ cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ và lãi phát sinh theo hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ vào Điều 26 BLTTDS thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn Nh, xã P1, huyện T, tỉnh Bình Định nên căn cứ tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đyêu cầu bà Trương Thị L và ông Phạm Ngọc M phải trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ là 23.117.990 đồng cộng lãi phát sinh theo hợp đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 19/3/2016, sao kê hoạt động của khách hàng từ ngày 30/3/2016 đến ngày 31/10/2019, biên bản làm việc thì bà Trương Thị L và Phạm Ngọc M đã vay Ngân hàng TMCP Đ20.000.000đồng, đã trả là 8.000.000đồng (trong đó trả tiền gốc 7.069.231đồng, tiền lãi trong hạn 930.769đồng), hiện nay còn nợ số trả số tiền gốc là 12.930.769đồng, tiền lãi trong hạn là 1.269.231đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 29/9/2020 là 8.917.990đồng; tổng cộng gốc và lãi là 23.117.990 đồng. Nên nay Ngân hàng TMCP Đyêu cầu bà L, ông M trả nợ trên là có căn cứ nên được chấp nhận. Bởi vì bà L vay tiền là có thật, hiện nay bà L còn nợ theo văn bản Ngân hàng xuất trình là đúng. Mặt khác ông M là chồng bà L, việc vay nợ phục vụ cho nhu cầu gia đình, ông M ký bảo lãnh nên căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật HNGĐ thì ông M phải có nghiã vụ trả nợ cùng bà L đối với khoản vay còn nợ trên.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định cuả Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị L và ông Phạm Ngọc M cùng phải chịu 1.155.000đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003425 ngày 14/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463,466,468,470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Buộc bà Trương Thị L và ông Phạm Ngọc M cùng phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đsố tiền vay còn nợ là 23.117.990 đồng (12.930.769đồng, tiền lãi trong hạn là 1.269.231đồng, lãi quá hạn 8.917.990đồng tính đến ngày 29/9/2020) và tiền lãi phát sinh theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 19/3/2016 của bàTrương Thị L.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất theo theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 19/3/2016 của bà Trương Thị L.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị L và ông Phạm Ngọc M cùng phải chịu 1.155.000đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003425 ngày 14/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án,quyết định được thi hành theo quy đinh tại điêu 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6.7 và 9 luật thi hành án dân sự ,thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 luật thi hành án dân sự

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi gởi :
-VKSND H.T;
-Các đương sự;
-Phòng KTNV TAND tỉnh Bình Định;
-Chi cục Thi hành án dân sự H.T;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Bích Thủy

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Bích Thủy